TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022
V/v tranh chấp về:"Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hồng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tấn;

2. Bà Trần Thị Mỹ Hậu.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Việt Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2021/TLST-HN ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HN, ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn An T, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Lê Từ D, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn Tân X, xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định *(hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim sơn, thuộc xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định).*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt (đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Từ D đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 29/12/2016, có tổ chức lễ cưới theo tập quán ở địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về tại nhà chồng tại thôn Tân X, xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định sinh sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2018, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong cách sống, nên thường xuyên cải vã, xung đột; đến năm 2019 anh Lê Từ D phạm tội bị xử phạt với mức hình phạt 11 năm tù, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn. Xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cho dù có kéo dài cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, thực tế vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh Lê Từ D.

Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/02/2018, cháu Q hiện đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu gì.

Ngày 25/3/2022, chị Nguyễn Thị Th đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2022, bị đơn anh Lê Từ D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Từ D thừa nhận quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị Th trình bày là đúng; về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh bị lừa tiền, cuộc sống túng thiếu, anh có những lời nói và hành động không bình tĩnh, xúc phạm vợ con nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh đang chấp hành án phạt tù là lỗi hoàn toàn ở anh, anh còn rất thương yêu chị Th, anh mong muốn sau này chấp hành án xong còn có cơ hội để bù đắp cho vợ con nên yêu cầu ly hôn của chị Th anh Lê Từ D không đồng ý.

Về con chung: Anh Lê Từ D xác định vợ chồng anh có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/02/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Ngày 24/3/2022, anh Lê Từ D yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và các thủ tục tố tụng tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đều được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Nguyễn Hoàng Q cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Từ D hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn, thuộc xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2022 của nguyên đơn Nguyễn Thị Th và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 24/3/2022 của bị đơn Lê Từ D. Hội đồng xét xử chấp nhận tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Từ D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 29/12/2016 nên hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về tại nhà chồng tại thôn Tân X, xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2018, vợ chồng chị Th, anh D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong cách sống, thường xuyên cải vã, xung đột; đến năm 2019 anh Lê Từ D phạm tội bị xử phạt với mức hình phạt 11 năm tù. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th, anh D là trầm trọng, cho dù có kéo dài cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc và thực tế họ đã không còn sống với nhau từ năm 2019 đến nay, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về yêu cầu được đoàn tụ của anh Lê Từ D: Tại các buổi làm việc với Tòa án, anh D thừa nhận vợ chồng anh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là lỗi hoàn toàn ở anh. Tuy nhiên, thực tế hiện nay anh đang chấp hành án

phạt tù điều đó cũng đồng nghĩa với việc anh không đồng ý ly hôn là để kéo dài thời gian đau khổ cho chị Th nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Th, anh D có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/02/2018, trong quá trình làm việc với Tòa án, cả hai bên đều có yêu cầu và nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giao con chung chưa thành niên cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của người con, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con, có xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục của mỗi bên. Cháu Q hiện nay do chị Th nuôi dưỡng ổn định, chị Th có việc làm và thu nhập ổn định; còn anh D đang phải thi hành án phạt tù còn thời gian dài và không có thu nhập, nên anh D hoàn toàn không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Lê Nguyễn Hoàng Q cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Từ D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 71, 72, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Th phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến phát biểu quan điểm về nội dung vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Từ D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Từ D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên: Người thân thích của con; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm ly hôn chị Nguyễn Thị Th nộp 300.000,đ, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00010401, ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

5. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND;
- Chi cục THADS huyện,
- Các đương sự;
- UBND xã Ân Thạnh, Ân Hảo Tây;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hồng Nam